Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

**BÀI 9: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch.
* Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực tìm hiểu địa lí:* khai thác và sử dụng Hình 9.1 và 9.2, bảng 9.1, 9.2, 9.3 SGK tr.153 – tr.156 để tìm hiểu về vị trí địa lý, đặc điểm thiên nhiên, các thế mạnh phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản và du lịch, thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng dân cư, sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.
* *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:*Xác định được vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng; trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch; nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư, trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.
* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức địa lí đã học để xác định và giải thích được bản đồ, bảng số liệu để xác định vị trí địa lý trên bản đồ, trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên; nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư; nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư; sưu tầm thông tin từ các nguồn khác nhau về dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Chân trời sáng tạo (phần Địa lí).*
* Bảng số liệu, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học*Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*
* Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9* *– Chân trời sáng tạo (phần Địa lí).*
* Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

**b. Nội dung:**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi*Ai nhanh hơn*. HS ghép nối các địa danh với các tỉnh, thành phố.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về trò chơi và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Ai nhanh hơn*nhằm ghépnối tên các địa danh ứng với các tỉnh, thành phố.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tỉnh** |  | **Địa danh** |
| Lào Cai |  | Mã Pí Lèng |
| Cao Bằng |  | Sa Pa |
| Tuyên Quang |  | Mẫu Sơn |
| Lạng Sơn |  | Mộc Châu |
| Sơn La |  | Tân Trào |
| Hà Giang |  | Thác Bản Giốc |

- GV phát phiếu học tập hoặc chiếu trên màn hình, mời HS ghép nối thông tin.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trả lời trên phiếu học tập hoặc bảng nhóm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời HS xung phong trả lời.

- Nếu trả lời sai, GV tiếp tục mời HS còn lại đưa ra đáp án.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:



- GV dẫn dắt HS vào bài học:*Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thiên nhiên phân hóa đa dạng giữa Đông Bắc và Tây Bắc; là nơi tập trung nhiều dân tộc sinh sống tạo nên nét đặc trưng về văn hóa, truyền thống sản xuất. Vùng có đặc điểm dân cư, dân tộc như thế nào? Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế ra sao? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay –****Bài 9: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ**

**a. Mục tiêu:**Xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của vùng.

**b. Nội dung:**GV yêu cầu HS cả lớp làm việc theo nhóm, khai thác mục 1 SGK tr.159 với kiến thức tìm hiểu của học sinh trả lời câu hỏi: *Xác định vị trí, tên các tỉnh và mô tả vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ trên bản đồ trống 7 vùng kinh tế.*

**c. Sản phẩm:**Sản phẩm chứa nội dung tìm hiểu của HS tạo thành phòng tranh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát bản đồ trống 7 vùng kinh tế, yêu cầu HS:  + Tô màu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Ghi tên các tỉnh ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Mô tả vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vàobảng theo mẫu sau:  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/03/image_06f2cac8260.png  ***Bản đồ trống 7 vùng kinh tế***   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Thông tin** | | ***Diện tích*** |  | | ***Tỉ lệ diện tích so với cả nước*** |  | | ***Các tỉnh*** |  | | ***Đặc điểm lãnh thổ*** |  | | ***Ý nghĩa của vị trí và lãnh thổ*** |  | |   https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/03/image_d19b9d6b970.png  **-** GV trình chiếu cho HS xem một số video liên quan đến Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:  <https://youtu.be/ho7gvARxX7g?si=5wJWeu4F3HjtTm6R>  <https://youtu.be/3Vjp8dzCTv0?si=tpSyPNBRmfc415vG>  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm GV yêu cầu.  - GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV gọi ngẫu nhiên HS lên bảng xác định trên bản đồ và trình bày thông tin.  - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:****Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện giao lưu kinh tế - xã hội với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, đồng thời với các tỉnh phía Nam Trung Quốc và Thượng Lào.***  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ**  - Diện tích: 95 nghìn km2, chiếm 28,7 % diện tích cả nước (2021)  - Vùng gồm 14 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình.  - Tiếp giáp với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; nước Trung Quốc và Lào.  -  Thuận lợi giao thương quốc tế, kết nối với cảng biển.  - Ý nghĩa quan trọng đối với đảm bảo an ninh quốc phòng. |

**Hoạt động 2: Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

**a. Mục tiêu:**Trình bày được đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch.

**b. Nội dung:**GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ (3 – 6HS/nhóm) khai thác thông tin mục 2 SGK tr.160 – tr.161 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1 và 2.*

**c. Sản phẩm:***Phiếu học tập số 1 và 2*của HS về đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt:  *+ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thiên nhiên phân hóa đa dạng và khác biệt giữa Đông Bắc và Tây Bắc.*  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/03/image_d24a1472fa0.png  - GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 6 HS/ nhóm) và giao nhiệm vụ cụ thể:   |  | | --- | | https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/03/image_07651463480.png | | *+ Nhóm lẻ: Khai thác Hình 9.1, thông tin mục 2a SGK tr. 160 và hoàn thành Phiếu học tập số 1.* | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐÔNG BẮC**  **VÀ TÂY BẮC**  *Nhóm:….*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** | | Địa hình |  |  | | Khí hậu |  |  | | Sông ngòi |  |  | | Sinh vật |  |  | | Khoáng sản |  |  | |   *+ Nhóm chẵn: Khai thác Hình 9.1, thông tin mục 2b SGK tr.161 và hoàn thành Phiếu học tập số 2.*   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **THẾ MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ DU LỊCH**  *Nhóm:…*  **1. Địa hình và đất**  …………………………………………….  2. Khí hậu  …………………………………………………  **3. Nước**  ………………………………………………  **4. Rừng**  ……………………………………………………  **5. Khoáng sản**  ………………………………………………… |   - GV cung cấp cho HS một số tư liệu về  điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên *(Đính kèm phía dưới Hoạt động 2).*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và trả lời *Phiếu học tập số 1 và 2.*  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 4 cặp trình bày nội dung tìm hiểu trong *Phiếu học tập số 1 và 2.*  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:*  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **2. Đặc điểm điều kiện và tài nguyên thiên nhiên.**  ***a. Sự phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.***  Kết quả *Phiếu học tập số 1* đính kèm phía dưới *Hoạt động 2.*  ***b. Thế mạnh phát triển công nghiệp; lâm nghiệp; nông nghiệp; thủy sản và du lịch***  Kết quả *Phiếu học tập số 2* đính kèm phía dưới *Hoạt động 2.* |
| ***Tư liệu 1:****Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng Trùng du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030*  *Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng Đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội, phát triển công nghệ chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản, kinh tế cửa khẩu, du lịch, bảo vệ, khôi phục rừng nhất là rừng đầu nguồn, đẩy mạnh trồng rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước.*  *(Nguồn: Nghị quyết số 11 – NQ/TW ngày 10 tháng 2 năm 2022 Bộ chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)*  ***Tư liệu 2:***    https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-08/03/image_9f3de6a0fd0.png | |
| **KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 VÀ 2**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN ĐÔNG BẮC**  **VÀ TÂY BẮC**  *Nhóm:….*   |  |  | | --- | --- | | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** | | - Địa hình: chủ yếu là núi trung bình và núi thấp với núi theo hướng vòng cung và vùng đồi chuyển tiếp đồng bằng.  - Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh với 2 đai cao.  - Sông ngòi: có tiềm năng về thủy điện.  - Sinh vật: rừng nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới. | - Địa hình: cao nhất cả nước, địa hình chia cắt và hiểm trở, xen kẽ là cao nguyên đá vôi, thung lũng.  - Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh với 3 đai cao.  - Sông ngòi: có nhiều sông lớn.  - Sinh vật: rừng phát triển, độ che phủ cao. | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **THẾ MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ DU LỊCH**  *Nhóm:…*   |  | | --- | | **- Địa hình và đất**  + Địa hình đa dạng  + Đất Feralit  " Phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng và du lịch. | | **- Khí hậu**  + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh  + Khí hậu phân hóa theo độ cao  " Phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới, cây dược liệu, rau quả và du lịch. | | **- Nước**  + Thượng nguồn các hệ thống sông Hồng, Kỳ Cùng,…  " Phát triển thủy điện  + Nhiều hồ tự nhiên và hồ thủy điện  " Phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản.  + Nước ngầm, nước khoáng  " Phát triển du lịch và công nghiệp | | **- Rừng**  + Diện tích rừng 5,4 triệu ha  " Phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản.  + Hệ thống vườn quốc gia, sinh vật đặc hữu  " Thu hút khách du lịch | | **- Khoáng sản**  + Nhiều loại khoáng sản, cơ cấu đa dạng, nhiều khoáng sản có trữ lượng khá lớn  " Phát triển công nghiệp khai khoáng. | | | | | |

**Hoạt động 3: Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống**

**a. Mục tiêu:**Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.

**b. Nội dung:**GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, khai thác Bảng 9.1 và thông tin mục 3 SGK tr.161 – tr.162 và trả lời câu hỏi:

*+ Cho biết đặc điểm nổi bật về phân bố dân cư, thành phần dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

*+ Nhận xét chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt:  *+ Vùng phân bố dân cư thưa thớt, thành phần dân tộc đa dạng.*  *+ Hiện nay hoạt động kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống người dân được cải thiện.*  …………….. | **3. Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống**  ***a. Đặc điểm dân cư***  *Phân bố dân cư:*  - Số dân: 12,9 triệu người  - Mật độ dân số thấp: 136 người/km2  - Dân số thành thị: 20,5%  - Dân số nông thôn: 79,5%  ………… |

--------------------------------